

PHILIPS

Lighting



LuxSpace Pro – hiệu suất cao, sự thoải mái cho thị giác và thiết kế phong cách

LuxSpace Pro

Philips LuxSpace Pro được xây dựng dựa trên danh tiếng của dòng sản phẩm LuxSpace về hiệu suất vượt trội, mức sử dụng năng lượng cực thấp, thư thái dễ chịu về thị giác và thiết kế kiểu dáng. Hệ đèn LED downlight đáng tin cậy tiếp theo này có thiết kế cực kỳ nhỏ gọn với kiến trúc âm trần, sâu, cùng độ sâu chứa phản xạ tăng lên để làm nổi bật những chi tiết nhỏ nhất. LuxSpace Pro cũng là một ví dụ điển hình về tính linh hoạt. Đây là loại đèn LED downlight tiết kiệm năng lượng có nhiều cấu hình đa dạng từ 450 đến 8.000 lumen, 3 inch đến 8 inch, trong đó khách hàng có thể lựa chọn một trong các biến thể: có độ sáng cố định, có thể điều chỉnh độ sáng hoặc Interact Ready. Nhờ đó, LuxSpace Pro là giải pháp "kết hợp" hoàn hảo cho các ứng dụng có khả năng mở rộng và đa dạng, đòi hỏi các môi trường chiếu sáng khác nhau, với một kiểu dáng và mẫu mã thống nhất.

Lợi ích

- Đèn LED tiết kiệm năng lượng
- Tạo ra ánh sáng nhẹ nhàng, tự nhiên, đảm bảo sự thoải mái cho thị giác
- Phối hoàn hảo với trần nhà nhờ vành hẹp
- Tùy chọn chứa phản xạ mặt bóng & mạ nhôm trong, mờ (UGR19) hoặc trắng mờ & vát cạnh
- Chất lượng và độ tin cậy của đèn LED bền bỉ
- Hỗ trợ Chiếu sáng tập trung vào con người với Màu trắng có thể điều chỉnh và các điều khiển ánh sáng tích hợp

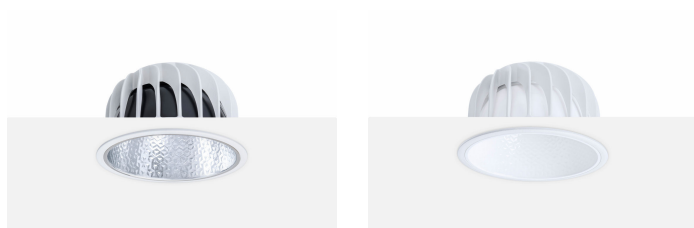
Tính năng

- Độ hiệu quả cao nhất trong phân khúc, lên đến 170 lm/W
- Kiến trúc lõm sâu với độ sâu phản xạ tăng lên
- Khu vực lắp đặt rộng rãi với chiều rộng vành hẹp được cải tiến
- Nhiều loại chóa quang học để lựa chọn: Vát cạnh, mờ và trắng
- Tuổi thọ 75.000 giờ @L70/B50 Ta 25°C
- Tuổi thọ 50.000 giờ @L80/B10 Ta 25°C
- Tương thích DALI và Tương tác không dây

Ứng dụng

- Cửa hàng bán lẻ
- Văn phòng
- Bệnh viện và Trung tâm Chăm sóc
- Dịch vụ nhà hàng khách sạn
- Sân bay
- Trung tâm Triển lãm

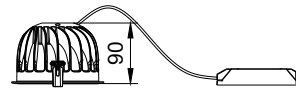
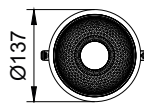
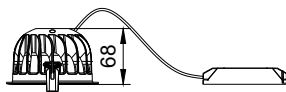
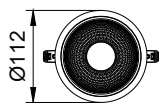
Phiên bản



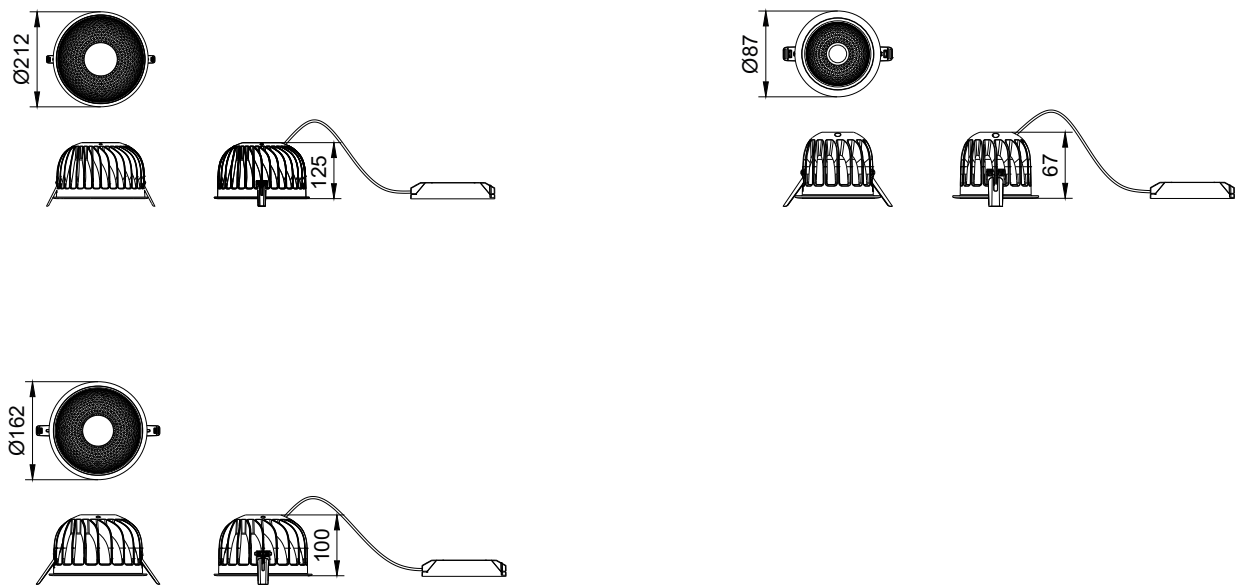
LuxSpace Pro

LuxSpace Pro

Bản vẽ kích thước



Bản vẽ kích thước



Thông tin chung	
Thẻ dịch vụ	Có
Vận hành và điện	
Cấp bảo vệ IEC	Cấp an toàn II
Tần số dòng	50 or 60 Hz
Cơ khí và vỏ đèn	
Kiểu chụp quang học	Bộ khuếch tán polycarbonate
Màu vỏ đèn	Trắng
Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học	IK03
Phê duyệt và ứng dụng	
Dấu CE	Có
Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)	
Dung sai quang thông	+/-10%

Thông tin kỹ thuật về đèn (1/2)

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Chỉ số		Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
			hoàn màu (CRI)			
911401502944	DN589B LED10/840 P8PSU D100 WB WP G2	4000 K	80		128 lm/W	1.073 lm
911401503544	DN589B LED11/TNW P10PSD D100 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90		106 lm/W	1.050 lm
911401504344	DN589B LED10/CED P10PSD D100 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80		106 lm/W	950 lm
911401505144	DN589X LED8/TNW P7PSD D100 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90		106 lm/W	750 lm
911401505944	DN589X LED7/CED P7PSD D100 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80		106 lm/W	700 lm
911401591243	DN588B LED5/930 P4PSU D100 WB G2	3000 K	90		110 lm/W	453 lm
911401591343	DN588B LED5/940 P4PSU D100 WB G2	4000 K	90		115 lm/W	478 lm
911401591443	DN589B LED10/930 P8PSU D100 WB G2	3000 K	90		116 lm/W	971 lm
911401591543	DN589B LED10/940 P8PSU D100 WB G2	4000 K	90		122 lm/W	1.023 lm
911401591643	DN590B LED16/930 P13PSU D100 WB G2	3000 K	90		111 lm/W	1.494 lm
911401591743	DN590B LED16/940 P13PSU D100 WB G2	4000 K	90		117 lm/W	1.574 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Chỉ số		Quang thông
			hoàn màu (CRI)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	
911401591843	DN589B LED10/930 P8PSD D100 WB G2	3000 K	90	118 lm/W	889 lm
911401591943	DN589B LED10/940 P8PSD D100 WB G2	4000 K	90	124 lm/W	937 lm
911401592043	DN590B LED16/930 P14PSD D100 WB G2	3000 K	90	107 lm/W	1.494 lm
911401592143	DN590B LED16/940 P14PSD D100 WB G2	4000 K	90	113 lm/W	1.574 lm
911401592243	DN589X LED10/940 P9WIA D100 WB G2	4000 K	90	117 lm/W	1.023 lm
911401592343	DN590X LED16/940 P14WIA D100 WB G2	4000 K	90	115 lm/W	1.574 lm
911401503744	DN591B LED21/TNW P18PSD D125 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	2.050 lm
911401504544	DN591B LED19/CED P18PSD D125 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	1.900 lm
911401505344	DN591X LED17/TNW P13PSD D125 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	1.650 lm
911401506144	DN591X LED15/CED P14PSD D125 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	1.500 lm
911401500044	DN596B LED80/830 P62PSU D200 WB G2	3000 K	80	124 lm/W	7.654 lm
911401500144	DN596B LED80/840 P62PSU D200 WB G2	4000 K	80	130 lm/W	7.977 lm
911401500444	DN596B LED80/830 P59PSD D200 WB G2	3000 K	80	121 lm/W	7.124 lm
911401500544	DN596B LED80/840 P59PSD D200 WB G2	4000 K	80	126 lm/W	7.425 lm
911401500844	DN591B LED19/830 P13PSU D200 WB G2	3000 K	80	143 lm/W	1.828 lm
911401500944	DN591B LED19/840 P13PSU D200 WB G2	4000 K	80	149 lm/W	1.905 lm
911401501244	DN591B LED19/830 P13PSD D200 WB G2	3000 K	80	138 lm/W	1.828 lm
911401501344	DN591B LED19/840 P13PSD D200 WB G2	4000 K	80	144 lm/W	1.905 lm
911401501544	DN591X LED19/840 P13WIA D200 WB G2	4000 K	80	147 lm/W	1.905 lm
911401501844	DN593B LED29/830 P20PSU D200 WB G2	3000 K	80	141 lm/W	2.825 lm
911401501944	DN593B LED29/840 P20PSU D200 WB G2	4000 K	80	146 lm/W	2.944 lm
911401502244	DN593B LED29/830 P21PSD D200 WB G2	3000 K	80	136 lm/W	2.825 lm
911401502344	DN593B LED29/840 P21PSD D200 WB G2	4000 K	80	141 lm/W	2.944 lm
911401502844	DN591B LED23/840 P13PSU D200 WB UE G2	4000 K	80	173 lm/W	2.279 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Chỉ số	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
			hoàn màu (CRI)		
911401504044	DN594B LED37/TNW P30PSD D200 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	3.700 lm
911401504844	DN594B LED34/CED P31PSD D200 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	3.400 lm
911401505644	DN594X LED39/TNW P32PSD D200 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	3.900 lm
911401506444	DN594X LED36/CED P32PSD D200 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	3.600 lm
911401598243	DN594B LED42/830 P30PSU D200 WB G2	3000 K	80	136 lm/W	4.050 lm
911401598343	DN594B LED42/840 P30PSU D200 WB G2	4000 K	80	142 lm/W	4.221 lm
911401598643	DN594B LED42/830 P31PSD D200 WB G2	3000 K	80	132 lm/W	4.050 lm
911401598743	DN594B LED42/840 P31PSD D200 WB G2	4000 K	80	137 lm/W	4.221 lm
911401598943	DN594X LED42/840 P30WIA D200 WB G2	4000 K	80	142 lm/W	4.221 lm
911401599243	DN595B LED61/830 P46PSU D200 WB G2	3000 K	80	129 lm/W	5.868 lm
911401599343	DN595B LED61/840 P46PSU D200 WB G2	4000 K	80	134 lm/W	6.116 lm
911401599643	DN595B LED61/830 P47PSD D200 WB G2	3000 K	80	126 lm/W	5.868 lm
911401599743	DN595B LED61/840 P47PSD D200 WB G2	4000 K	80	131 lm/W	6.116 lm
911401500244	DN596B LED80/830 P59PSD D200 VWB-M G2	3000 K	80	124 lm/W	7.298 lm
911401500344	DN596B LED80/840 P59PSD D200 VWB-M G2	4000 K	80	129 lm/W	7.606 lm
911401500644	DN591B LED19/830 P13PSU D200 VWB-M G2	3000 K	80	146 lm/W	1.872 lm
911401500744	DN591B LED19/840 P13PSU D200 VWB-M G2	4000 K	80	153 lm/W	1.951 lm
911401501044	DN591B LED19/830 P13PSD D200 VWB-M G2	3000 K	80	141 lm/W	1.872 lm
911401501144	DN591B LED19/840 P13PSD D200 VWB-M G2	4000 K	80	147 lm/W	1.951 lm
911401501444	DN591X LED19/840 P13WIA D200 VWB-M G2	4000 K	80	151 lm/W	1.951 lm
911401501644	DN593B LED29/830 P20PSU D200 VWB-M G2	3000 K	80	144 lm/W	2.894 lm
911401501744	DN593B LED29/840 P20PSU D200 VWB-M G2	4000 K	80	150 lm/W	3.016 lm
911401502044	DN593B LED29/830 P21PSD D200 VWB-M G2	3000 K	80	139 lm/W	2.894 lm
911401502144	DN593B LED29/840 P21PSD D200 VWB-M G2	4000 K	80	145 lm/W	3.016 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu	Chỉ số	Quang hiệu	Quang thông
		tương quan (Danh định)	hoàn màu (CRI)	(định mức) (Danh định)	
911401502744	DN591B LED23/840 P13PSU D200 VWB-M UE G2	4000 K	80	177 lm/W	2.332 lm
911401598043	DN594B LED42/830 P30PSU D200 VWB-M G2	3000 K	80	140 lm/W	4.149 lm
911401598143	DN594B LED42/840 P30PSU D200 VWB-M G2	4000 K	80	146 lm/W	4.324 lm
911401598443	DN594B LED42/830 P31PSD D200 VWB-M G2	3000 K	80	135 lm/W	4.149 lm
911401598543	DN594B LED42/840 P31PSD D200 VWB-M G2	4000 K	80	141 lm/W	4.324 lm
911401598843	DN594X LED42/840 P30WIA D200 VWB-M G2	4000 K	80	146 lm/W	4.324 lm
911401599043	DN595B LED61/830 P46PSU D200 VWB-M G2	3000 K	80	132 lm/W	6.011 lm
911401599143	DN595B LED61/840 P46PSU D200 VWB-M G2	4000 K	80	138 lm/W	6.265 lm
911401599443	DN595B LED61/830 P47PSD D200 VWB-M G2	3000 K	80	129 lm/W	6.011 lm
911401599543	DN595B LED61/840 P47PSD D200 VWB-M G2	4000 K	80	134 lm/W	6.265 lm
911401599843	DN596B LED80/830 P62PSU D200 VWB-M G2	3000 K	80	127 lm/W	7.841 lm
911401599943	DN596B LED80/840 P62PSU D200 VWB-M G2	4000 K	80	133 lm/W	8.172 lm
911401502544	DN589B LED12/840 P7PSU D125 WB UE G2	4000 K	80	158 lm/W	1.185 lm
911401503044	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB WP G2	4000 K	80	131 lm/W	1.741 lm
911401503644	DN591B LED20/TNW P18PSD D125 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	2.000 lm
911401504444	DN591B LED19/CED P18PSD D125 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	1.850 lm
911401505244	DN591X LED16/TNW P13PSD D125 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	1.600 lm
911401506044	DN591X LED15/CED P14PSD D125 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	1.450 lm
911401592643	DN588B LED9/830 P6PSU D125 WB G2	3000 K	80	129 lm/W	837 lm
911401592743	DN588B LED9/840 P6PSU D125 WB G2	4000 K	80	134 lm/W	872 lm
911401593043	DN589B LED11/830 P8PSU D125 WB G2	3000 K	80	130 lm/W	1.070 lm
911401593143	DN589B LED11/840 P8PSU D125 WB G2	4000 K	80	135 lm/W	1.116 lm
911401593443	DN589B LED11/830 P8PSD D125 WB G2	3000 K	80	122 lm/W	970 lm
911401593543	DN589B LED11/840 P8PSD D125 WB G2	4000 K	80	127 lm/W	1.011 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu	Chỉ số	Quang hiệu	Quang thông
		tương quan (Danh định)	hoàn màu (CRI)	(định mức) (Danh định)	
911401593843	DN590B LED17/830 P13PSU D125 WB G2	3000 K	80	126 lm/W	1.670 lm
911401593943	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB G2	4000 K	80	131 lm/W	1.741 lm
911401594243	DN590B LED17/830 P14PSD D125 WB G2	3000 K	80	121 lm/W	1.670 lm
911401594343	DN590B LED17/840 P14PSD D125 WB G2	4000 K	80	126 lm/W	1.741 lm
911401594643	DN591B LED22/830 P17PSU D125 WB G2	3000 K	80	125 lm/W	2.127 lm
911401594743	DN591B LED22/840 P17PSU D125 WB G2	4000 K	80	130 lm/W	2.216 lm
911401595043	DN591B LED22/830 P18PSD D125 WB G2	3000 K	80	120 lm/W	2.127 lm
911401595143	DN591B LED22/840 P18PSD D125 WB G2	4000 K	80	125 lm/W	2.216 lm
911401595343	DN591X LED22/840 P17WIA D125 WB G2	4000 K	80	130 lm/W	2.216 lm
911401595643	DN592B LED26/830 P21PSU D125 WB G2	3000 K	80	119 lm/W	2.529 lm
911401595743	DN592B LED26/840 P21PSU D125 WB G2	4000 K	80	125 lm/W	2.636 lm
911401596043	DN592B LED26/830 P22PSD D125 WB G2	3000 K	80	115 lm/W	2.529 lm
911401596143	DN592B LED26/840 P22PSD D125 WB G2	4000 K	80	120 lm/W	2.636 lm
911401596343	DN592X LED26/840 P21WIA D125 WB G2	4000 K	80	125 lm/W	2.636 lm
911401588543	DN588B LED5/930 P4PSU D75 NB G2	3000 K	90	100 lm/W	419 lm
911401588643	DN588B LED5/940 P4PSU D75 NB G2	4000 K	90	107 lm/W	449 lm
911401588743	DN588B LED5/930 P4PSU D75 MB G2	3000 K	90	100 lm/W	419 lm
911401588843	DN588B LED5/940 P4PSU D75 MB G2	4000 K	90	107 lm/W	449 lm
911401588943	DN588B LED5/930 P4PSU D75 WB G2	3000 K	90	100 lm/W	419 lm
911401589043	DN588B LED5/940 P4PSU D75 WB G2	4000 K	90	107 lm/W	449 lm
911401589143	DN589B LED10/930 P8PSU D75 NB G2	3000 K	90	109 lm/W	922 lm
911401589243	DN589B LED10/940 P8PSU D75 NB G2	4000 K	90	116 lm/W	988 lm
911401589343	DN589B LED10/930 P8PSU D75 MB G2	3000 K	90	109 lm/W	922 lm
911401589443	DN589B LED10/940 P8PSU D75 MB G2	4000 K	90	116 lm/W	988 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Chỉ số hoàn màu (CRI)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
911401589543	DN589B LED10/930 P8PSU D75 WB G2	3000 K	90	109 lm/W	922 lm
911401589643	DN589B LED10/940 P8PSU D75 WB G2	4000 K	90	116 lm/W	988 lm
911401589743	DN590B LED15/930 P14PSU D75 NB G2	3000 K	90	103 lm/W	1.406 lm
911401589843	DN590B LED15/940 P14PSU D75 NB G2	4000 K	90	110 lm/W	1.506 lm
911401589943	DN590B LED15/930 P14PSU D75 MB G2	3000 K	90	103 lm/W	1.406 lm
911401590043	DN590B LED15/940 P14PSU D75 MB G2	4000 K	90	110 lm/W	1.506 lm
911401590143	DN590B LED15/930 P14PSU D75 WB G2	3000 K	90	103 lm/W	1.406 lm
911401590243	DN590B LED15/940 P14PSU D75 WB G2	4000 K	90	110 lm/W	1.506 lm
911401590343	DN590B LED15/930 P14PSD D75 NB G2	3000 K	90	99 lm/W	1.406 lm
911401590443	DN590B LED15/940 P14PSD D75 NB G2	4000 K	90	107 lm/W	1.506 lm
911401590543	DN590B LED15/930 P14PSD D75 MB G2	3000 K	90	99 lm/W	1.406 lm
911401590643	DN590B LED15/940 P14PSD D75 MB G2	4000 K	90	107 lm/W	1.506 lm
911401590743	DN590B LED15/930 P14PSD D75 WB G2	3000 K	90	99 lm/W	1.406 lm
911401590843	DN590B LED15/940 P14PSD D75 WB G2	4000 K	90	107 lm/W	1.506 lm
911401590943	DN590X LED15/940 P14WIA D75 NB G2	4000 K	90	109 lm/W	1.506 lm
911401591043	DN590X LED15/940 P14WIA D75 MB G2	4000 K	90	109 lm/W	1.506 lm
911401591143	DN590X LED15/940 P14WIA D75 WB G2	4000 K	90	109 lm/W	1.506 lm
911401502444	DN589B LED12/840 P7PSU D125 VWB-M UE G2	4000 K	80	162 lm/W	1.214 lm
911401592443	DN588B LED9/830 P6PSU D125 VWB-M G2	3000 K	80	132 lm/W	858 lm
911401592543	DN588B LED9/840 P6PSU D125 VWB-M G2	4000 K	80	138 lm/W	895 lm
911401592843	DN589B LED11/830 P8PSU D125 VWB-M G2	3000 K	80	133 lm/W	1.098 lm
911401592943	DN589B LED11/840 P8PSU D125 VWB-M G2	4000 K	80	139 lm/W	1.144 lm
911401593243	DN589B LED11/830 P8PSD D125 VWB-M G2	3000 K	80	125 lm/W	995 lm
911401593343	DN589B LED11/840 P8PSD D125 VWB-M G2	4000 K	80	130 lm/W	1.037 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu	Chỉ số	Quang hiệu	Quang thông
		tương quan (Danh định)	hoàn màu (CRI)	(định mức) (Danh định)	
911401593643	DN590B LED17/830 P13PSU D125 VWB-M G2	3000 K	80	129 lm/W	1.713 lm
911401593743	DN590B LED17/840 P13PSU D125 VWB-M G2	4000 K	80	134 lm/W	1.786 lm
911401594043	DN590B LED17/830 P14PSD D125 VWB-M G2	3000 K	80	124 lm/W	1.713 lm
911401594143	DN590B LED17/840 P14PSD D125 VWB-M G2	4000 K	80	130 lm/W	1.786 lm
911401594443	DN591B LED22/830 P17PSU D125 VWB-M G2	3000 K	80	128 lm/W	2.181 lm
911401594543	DN591B LED22/840 P17PSU D125 VWB-M G2	4000 K	80	133 lm/W	2.273 lm
911401594843	DN591B LED22/830 P18PSD D125 VWB-M G2	3000 K	80	123 lm/W	2.181 lm
911401594943	DN591B LED22/840 P18PSD D125 VWB-M G2	4000 K	80	129 lm/W	2.273 lm
911401595243	DN591X LED22/840 P17WIA D125 VWB-M G2	4000 K	80	133 lm/W	2.273 lm
911401595443	DN592B LED26/830 P21PSU D125 VWB-M G2	3000 K	80	123 lm/W	2.594 lm
911401595543	DN592B LED26/840 P21PSU D125 VWB-M G2	4000 K	80	128 lm/W	2.703 lm
911401595843	DN592B LED26/830 P22PSD D125 VWB-M G2	3000 K	80	118 lm/W	2.594 lm
911401595943	DN592B LED26/840 P22PSD D125 VWB-M G2	4000 K	80	123 lm/W	2.703 lm
911401596243	DN592X LED26/840 P21WIA D125 VWB-M G2	4000 K	80	128 lm/W	2.703 lm
911401504144	DN594B LED39/TNW P30PSD D200 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	3.900 lm
911401504944	DN594B LED36/CED P31PSD D200 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	3.600 lm
911401505744	DN594X LED41/TNW P32PSD D200 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	4.100 lm
911401506544	DN594X LED38/CED P32PSD D200 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	3.800 lm
911401502644	DN590B LED17/840 P10PSU D150 WB UE G2	4000 K	80	167 lm/W	1.661 lm
911401503144	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB WP G2	4000 K	80	134 lm/W	2.261 lm
911401503244	DN592B LED27/830 P21PSU D150 WB G2	3000 K	80	125 lm/W	2.607 lm
911401503344	DN592B LED27/840 P21PSU D150 WB G2	4000 K	80	131 lm/W	2.717 lm
911401503844	DN592B LED26/TNW P23PSD D150 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	2.600 lm
911401504644	DN592B LED24/CED P24PSD D150 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	2.400 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Chỉ số	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
			hoàn màu (CRI)		
911401505444	DN592X LED29/TNW P25PSD D150 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	2.850 lm
911401506244	DN592X LED26/CED P26PSD D150 WB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	2.600 lm
911401596443	DN589B LED12/830 P8PSU D150 WB G2	3000 K	80	135 lm/W	1.110 lm
911401596543	DN589B LED12/840 P8PSU D150 WB G2	4000 K	80	141 lm/W	1.157 lm
911401596643	DN590B LED18/830 P13PSU D150 WB G2	3000 K	80	131 lm/W	1.713 lm
911401596743	DN590B LED18/840 P13PSU D150 WB G2	4000 K	80	136 lm/W	1.786 lm
911401596843	DN591B LED23/830 P17PSU D150 WB G2	3000 K	80	129 lm/W	2.169 lm
911401596943	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB G2	4000 K	80	134 lm/W	2.261 lm
911401597043	DN589B LED12/830 P8PSD D150 WB G2	3000 K	80	126 lm/W	995 lm
911401597143	DN589B LED12/840 P8PSD D150 WB G2	4000 K	80	131 lm/W	1.037 lm
911401597243	DN590B LED18/830 P14PSD D150 WB G2	3000 K	80	126 lm/W	1.713 lm
911401597343	DN590B LED18/840 P14PSD D150 WB G2	4000 K	80	132 lm/W	1.786 lm
911401597443	DN591B LED23/830 P17PSD D150 WB G2	3000 K	80	125 lm/W	2.169 lm
911401597543	DN591B LED23/840 P17PSD D150 WB G2	4000 K	80	130 lm/W	2.261 lm
911401597643	DN589X LED12/840 P9WIA D150 WB G2	4000 K	80	134 lm/W	1.157 lm
911401597743	DN592B LED27/830 P22PSD D150 WB G2	3000 K	80	121 lm/W	2.607 lm
911401597843	DN592B LED27/840 P22PSD D150 WB G2	4000 K	80	126 lm/W	2.717 lm
911401597943	DN592X LED27/840 P21WIA D150 WB G2	4000 K	80	131 lm/W	2.717 lm
911401503944	DN592B LED28/TNW P23PSD D150 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	2.800 lm
911401504744	DN592B LED26/CED P24PSD D150 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	2.550 lm
911401505544	DN592X LED30/TNW P25PSD D150 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>90	106 lm/W	3.000 lm
911401506344	DN592X LED28/CED P26PSD D150 VWB G2	Tunable white 2700-6500 K	>80	106 lm/W	2.750 lm

Thông tin kỹ thuật về đèn (2/2)

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401502944	DN589B LED10/840 P8PSU D100 WB WP G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401503544	DN589B LED11/TNW P10PSD D100 WB G2	Góc chiếu 60°
911401504344	DN589B LED10/CED P10PSD D100 WB G2	Góc chiếu 60°
911401505144	DN589X LED8/TNW P7PSD D100 WB G2	Góc chiếu 60°
911401505944	DN589X LED7/CED P7PSD D100 WB G2	Góc chiếu 60°
911401591243	DN588B LED5/930 P4PSU D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401591343	DN588B LED5/940 P4PSU D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401591443	DN589B LED10/930 P8PSU D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401591543	DN589B LED10/940 P8PSU D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401591643	DN590B LED16/930 P13PSU D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401591743	DN590B LED16/940 P13PSU D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401591843	DN589B LED10/930 P8PSD D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401591943	DN589B LED10/940 P8PSD D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401592043	DN590B LED16/930 P14PSD D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401592143	DN590B LED16/940 P14PSD D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401592243	DN589X LED10/940 P9WIA D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401592343	DN590X LED16/940 P14WIA D100 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401503744	DN591B LED21/TNW P18PSD D125 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401504544	DN591B LED19/CED P18PSD D125 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401505344	DN591X LED17/TNW P13PSD D125 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401506144	DN591X LED15/CED P14PSD D125 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401500044	DN596B LED80/830 P62PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401500144	DN596B LED80/840 P62PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401500444	DN596B LED80/830 P59PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401500544	DN596B LED80/840 P59PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401500844	DN591B LED19/830 P13PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401500944	DN591B LED19/840 P13PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401501244	DN591B LED19/830 P13PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401501344	DN591B LED19/840 P13PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401501544	DN591X LED19/840 P13WIA D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401501844	DN593B LED29/830 P20PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401501944	DN593B LED29/840 P20PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401502244	DN593B LED29/830 P21PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401502344	DN593B LED29/840 P21PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401502844	DN591B LED23/840 P13PSU D200 WB UE G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401504044	DN594B LED37/TNW P30PSD D200 WB G2	Góc chiếu 60°
911401504844	DN594B LED34/CED P31PSD D200 WB G2	Góc chiếu 60°
911401505644	DN594X LED39/TNW P32PSD D200 WB G2	Góc chiếu 60°
911401506444	DN594X LED36/CED P32PSD D200 WB G2	Góc chiếu 60°
911401598243	DN594B LED42/830 P30PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401598343	DN594B LED42/840 P30PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401598643	DN594B LED42/830 P31PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401598743	DN594B LED42/840 P31PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401598943	DN594X LED42/840 P30WIA D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401599243	DN595B LED61/830 P46PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401599343	DN595B LED61/840 P46PSU D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401599643	DN595B LED61/830 P47PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401599743	DN595B LED61/840 P47PSD D200 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401500244	DN596B LED80/830 P59PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401500344	DN596B LED80/840 P59PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401500644	DN591B LED19/830 P13PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401500744	DN591B LED19/840 P13PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401501044	DN591B LED19/830 P13PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401501144	DN591B LED19/840 P13PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401501444	DN591X LED19/840 P13WIA D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401501644	DN593B LED29/830 P20PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401501744	DN593B LED29/840 P20PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401502044	DN593B LED29/830 P21PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401502144	DN593B LED29/840 P21PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401502744	DN591B LED23/840 P13PSU D200 VWB-M UE G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401598043	DN594B LED42/830 P30PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401598143	DN594B LED42/840 P30PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401598443	DN594B LED42/830 P31PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401598543	DN594B LED42/840 P31PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401598843	DN594X LED42/840 P30WIA D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401599043	DN595B LED61/830 P46PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401599143	DN595B LED61/840 P46PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401599443	DN595B LED61/830 P47PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401599543	DN595B LED61/840 P47PSD D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401599843	DN596B LED80/830 P62PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401599943	DN596B LED80/840 P62PSU D200 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401502544	DN589B LED12/840 P7PSU D125 WB UE G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401503044	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB WP G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401503644	DN591B LED20/TNW P18PSD D125 WB G2	Góc chiếu 60°
911401504444	DN591B LED19/CED P18PSD D125 WB G2	Góc chiếu 60°
911401505244	DN591X LED16/TNW P13PSD D125 WB G2	Góc chiếu 60°
911401506044	DN591X LED15/CED P14PSD D125 WB G2	Góc chiếu 60°
911401592643	DN588B LED9/830 P6PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401592743	DN588B LED9/840 P6PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401593043	DN589B LED11/830 P8PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401593143	DN589B LED11/840 P8PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401593443	DN589B LED11/830 P8PSD D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401593543	DN589B LED11/840 P8PSD D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401593843	DN590B LED17/830 P13PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401593943	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401594243	DN590B LED17/830 P14PSD D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401594343	DN590B LED17/840 P14PSD D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401594643	DN591B LED22/830 P17PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401594743	DN591B LED22/840 P17PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401595043	DN591B LED22/830 P18PSD D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401595143	DN591B LED22/840 P18PSD D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401595343	DN591X LED22/840 P17WIA D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401595643	DN592B LED26/830 P21PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401595743	DN592B LED26/840 P21PSU D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401596043	DN592B LED26/830 P22PSD D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401596143	DN592B LED26/840 P22PSD D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401596343	DN592X LED26/840 P21WIA D125 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401588543	DN588B LED5/930 P4PSU D75 NB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401588643	DN588B LED5/940 P4PSU D75 NB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401588743	DN588B LED5/930 P4PSU D75 MB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401588843	DN588B LED5/940 P4PSU D75 MB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401588943	DN588B LED5/930 P4PSU D75 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401589043	DN588B LED5/940 P4PSU D75 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401589143	DN589B LED10/930 P8PSU D75 NB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401589243	DN589B LED10/940 P8PSU D75 NB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401589343	DN589B LED10/930 P8PSU D75 MB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401589443	DN589B LED10/940 P8PSU D75 MB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401589543	DN589B LED10/930 P8PSU D75 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401589643	DN589B LED10/940 P8PSU D75 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401589743	DN590B LED15/930 P14PSU D75 NB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401589843	DN590B LED15/940 P14PSU D75 NB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401589943	DN590B LED15/930 P14PSU D75 MB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401590043	DN590B LED15/940 P14PSU D75 MB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401590143	DN590B LED15/930 P14PSU D75 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401590243	DN590B LED15/940 P14PSU D75 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401590343	DN590B LED15/930 P14PSD D75 NB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401590443	DN590B LED15/940 P14PSD D75 NB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401590543	DN590B LED15/930 P14PSD D75 MB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401590643	DN590B LED15/940 P14PSD D75 MB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401590743	DN590B LED15/930 P14PSD D75 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401590843	DN590B LED15/940 P14PSD D75 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401590943	DN590X LED15/940 P14WIA D75 NB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401591043	DN590X LED15/940 P14WIA D75 MB G2	Chóa phản xạ kim loại có độ phản quang cao Chùm sáng trung bình 20 đến 40 độ
911401591143	DN590X LED15/940 P14WIA D75 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401502444	DN589B LED12/840 P7PSU D125 VWB-M UE G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401592443	DN588B LED9/830 P6PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401592543	DN588B LED9/840 P6PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401592843	DN589B LED11/830 P8PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401592943	DN589B LED11/840 P8PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401593243	DN589B LED11/830 P8PSD D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401593343	DN589B LED11/840 P8PSD D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401593643	DN590B LED17/830 P13PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401593743	DN590B LED17/840 P13PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401594043	DN590B LED17/830 P14PSD D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401594143	DN590B LED17/840 P14PSD D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401594443	DN591B LED22/830 P17PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401594543	DN591B LED22/840 P17PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401594843	DN591B LED22/830 P18PSD D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401594943	DN591B LED22/840 P18PSD D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401595243	DN591X LED22/840 P17WIA D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401595443	DN592B LED26/830 P21PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401595543	DN592B LED26/840 P21PSU D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401595843	DN592B LED26/830 P22PSD D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401595943	DN592B LED26/840 P22PSD D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401596243	DN592X LED26/840 P21WIA D125 VWB-M G2	Chóa phản xạ hiệu suất cao chùm sáng trung bình
911401504144	DN594B LED39/TNW P30PSD D200 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401504944	DN594B LED36/CED P31PSD D200 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401505744	DN594X LED41/TNW P32PSD D200 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401506544	DN594X LED38/CED P32PSD D200 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401502644	DN590B LED17/840 P10PSU D150 WB UE G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401503144	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB WP G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401503244	DN592B LED27/830 P21PSU D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401503344	DN592B LED27/840 P21PSU D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401503844	DN592B LED26/TNW P23PSD D150 WB G2	Góc chiếu 60°
911401504644	DN592B LED24/CED P24PSD D150 WB G2	Góc chiếu 60°
911401505444	DN592X LED29/TNW P25PSD D150 WB G2	Góc chiếu 60°

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401506244	DN592X LED26/CED P26PSD D150 WB G2	Góc chiếu 60°
911401596443	DN589B LED12/830 P8PSU D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401596543	DN589B LED12/840 P8PSU D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401596643	DN590B LED18/830 P13PSU D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401596743	DN590B LED18/840 P13PSU D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401596843	DN591B LED23/830 P17PSU D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401596943	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401597043	DN589B LED12/830 P8PSD D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401597143	DN589B LED12/840 P8PSD D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401597243	DN590B LED18/830 P14PSD D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401597343	DN590B LED18/840 P14PSD D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401597443	DN591B LED23/830 P17PSD D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401597543	DN591B LED23/840 P17PSD D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401597643	DN589X LED12/840 P9WIA D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401597743	DN592B LED27/830 P22PSD D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401597843	DN592B LED27/840 P22PSD D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401597943	DN592X LED27/840 P21WIA D150 WB G2	Chóa phản quang kim loại có độ phản quang cao Góc rộng 40 đến 80 độ
911401503944	DN592B LED28/TNW P23PSD D150 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401504744	DN592B LED26/CED P24PSD D150 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401505544	DN592X LED30/TNW P25PSD D150 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°
911401506344	DN592X LED28/CED P26PSD D150 VWB G2	Góc chiếu 60 và 120°

Vận hành và điện

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401502944	DN589B LED10/840 P8PSU D100 WB WP G2	220-240 V	8,4 W
911401503544	DN589B LED11/TNW P10PSD D100 WB G2	220 đến 240 V	9,9 W
911401504344	DN589B LED10/CED P10PSD D100 WB G2	220 đến 240 V	10,1 W
911401505144	DN589X LED8/TNW P7PSD D100 WB G2	220 đến 240 V	7,1 W
911401505944	DN589X LED7/CED P7PSD D100 WB G2	220 đến 240 V	7,2 W
911401591243	DN588B LED5/930 P4PSU D100 WB G2	220-240 V	4,1 W
911401591343	DN588B LED5/940 P4PSU D100 WB G2	220-240 V	4,1 W
911401591443	DN589B LED10/930 P8PSU D100 WB G2	220-240 V	8,4 W
911401591543	DN589B LED10/940 P8PSU D100 WB G2	220-240 V	8,4 W
911401591643	DN590B LED16/930 P13PSU D100 WB G2	220-240 V	13,5 W
911401591743	DN590B LED16/940 P13PSU D100 WB G2	220-240 V	13,5 W
911401591843	DN589B LED10/930 P8PSD D100 WB G2	220-240 V	8,8 W
911401591943	DN589B LED10/940 P8PSD D100 WB G2	220-240 V	8,8 W

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401592043	DN590B LED16/930 P14PSD D100 WB G2	220-240 V	14 W
911401592143	DN590B LED16/940 P14PSD D100 WB G2	220-240 V	14 W
911401592243	DN589X LED10/940 P9WIA D100 WB G2	220-240 V	8,8 W
911401592343	DN590X LED16/940 P14WIA D100 WB G2	220-240 V	13,6 W
911401503744	DN591B LED21/TNW P18PSD D125 VWB G2	220 đến 240 V	18,1 W
911401504544	DN591B LED19/CED P18PSD D125 VWB G2	220 đến 240 V	18,4 W
911401505344	DN591X LED17/TNW P13PSD D125 VWB G2	220 đến 240 V	13,4 W
911401506144	DN591X LED15/CED P14PSD D125 VWB G2	220 đến 240 V	13,6 W
911401500044	DN596B LED80/830 P62PSU D200 WB G2	220-240 V	61,6 W
911401500144	DN596B LED80/840 P62PSU D200 WB G2	220-240 V	61,6 W
911401500444	DN596B LED80/830 P59PSD D200 WB G2	220-240 V	59,1 W
911401500544	DN596B LED80/840 P59PSD D200 WB G2	220-240 V	59,1 W

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401500844	DN591B LED19/830 P13PSU D200 WB G2	220-240 V	12,8 W
911401500944	DN591B LED19/840 P13PSU D200 WB G2	220-240 V	12,8 W
911401501244	DN591B LED19/830 P13PSD D200 WB G2	220-240 V	13,3 W
911401501344	DN591B LED19/840 P13PSD D200 WB G2	220-240 V	13,3 W
911401501544	DN591X LED19/840 P13WIA D200 WB G2	220-240 V	12,9 W
911401501844	DN593B LED29/830 P20PSU D200 WB G2	220-240 V	20,1 W
911401501944	DN593B LED29/840 P20PSU D200 WB G2	220-240 V	20,1 W
911401502244	DN593B LED29/830 P21PSD D200 WB G2	220-240 V	20,8 W
911401502344	DN593B LED29/840 P21PSD D200 WB G2	220-240 V	20,8 W
911401502844	DN591B LED23/840 P13PSU D200 WB UE G2	220-240 V	13,2 W
911401504044	DN594B LED37/TNW P30PSD D200 WB G2	220 đến 240 V	30,3 W
911401504844	DN594B LED34/CED P31PSD D200 WB G2	220 đến 240 V	30,7 W
911401505644	DN594X LED39/TNW P32PSD D200 WB G2	220 đến 240 V	31,6 W
911401506444	DN594X LED36/CED P32PSD D200 WB G2	220 đến 240 V	32 W
911401598243	DN594B LED42/830 P30PSU D200 WB G2	220-240 V	29,7 W
911401598343	DN594B LED42/840 P30PSU D200 WB G2	220-240 V	29,7 W
911401598643	DN594B LED42/830 P31PSD D200 WB G2	220-240 V	30,7 W
911401598743	DN594B LED42/840 P31PSD D200 WB G2	220-240 V	30,7 W
911401598943	DN594X LED42/840 P30WIA D200 WB G2	220-240 V	29,7 W
911401599243	DN595B LED61/830 P46PSU D200 WB G2	220-240 V	45,5 W
911401599343	DN595B LED61/840 P46PSU D200 WB G2	220-240 V	45,5 W
911401599643	DN595B LED61/830 P47PSD D200 WB G2	220-240 V	46,6 W
911401599743	DN595B LED61/840 P47PSD D200 WB G2	220-240 V	46,6 W
911401500244	DN596B LED80/830 P59PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	59,1 W
911401500344	DN596B LED80/840 P59PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	59,1 W

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401500644	DN591B LED19/830 P13PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	12,8 W
911401500744	DN591B LED19/840 P13PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	12,8 W
911401501044	DN591B LED19/830 P13PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	13,3 W
911401501144	DN591B LED19/840 P13PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	13,3 W
911401501444	DN591X LED19/840 P13WIA D200 VWB-M G2	220-240 V	12,9 W
911401501644	DN593B LED29/830 P20PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	20,1 W
911401501744	DN593B LED29/840 P20PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	20,1 W
911401502044	DN593B LED29/830 P21PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	20,8 W
911401502144	DN593B LED29/840 P21PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	20,8 W
911401502744	DN591B LED23/840 P13PSU D200 VWB-M UE G2	220-240 V	13,2 W
911401598043	DN594B LED42/830 P30PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	29,7 W
911401598143	DN594B LED42/840 P30PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	29,7 W
911401598443	DN594B LED42/830 P31PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	30,7 W
911401598543	DN594B LED42/840 P31PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	30,7 W
911401598843	DN594X LED42/840 P30WIA D200 VWB-M G2	220-240 V	29,7 W
911401599043	DN595B LED61/830 P46PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	45,5 W
911401599143	DN595B LED61/840 P46PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	45,5 W
911401599443	DN595B LED61/830 P47PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	46,6 W
911401599543	DN595B LED61/840 P47PSD D200 VWB-M G2	220-240 V	46,6 W
911401599843	DN596B LED80/830 P62PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	61,6 W
911401599943	DN596B LED80/840 P62PSU D200 VWB-M G2	220-240 V	61,6 W
911401502544	DN589B LED12/840 P7PSU D125 WB UE G2	220-240 V	7,5 W
911401503044	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB WP G2	220-240 V	13,3 W
911401503644	DN591B LED20/TNW P18PSD D125 WB G2	220 đến 240 V	18,1 W
911401504444	DN591B LED19/CED P18PSD D125 WB G2	220 đến 240 V	18,4 W

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401505244	DN591X LED16/TNW P13PSD D125 WB G2	220 đến 240 V	13,4 W
911401506044	DN591X LED15/CED P14PSD D125 WB G2	220 đến 240 V	13,6 W
911401592643	DN588B LED9/830 P6PSU D125 WB G2	220-240 V	6,5 W
911401592743	DN588B LED9/840 P6PSU D125 WB G2	220-240 V	6,5 W
911401593043	DN589B LED11/830 P8PSU D125 WB G2	220-240 V	8,3 W
911401593143	DN589B LED11/840 P8PSU D125 WB G2	220-240 V	8,3 W
911401593443	DN589B LED11/830 P8PSD D125 WB G2	220-240 V	8 W
911401593543	DN589B LED11/840 P8PSD D125 WB G2	220-240 V	8 W
911401593843	DN590B LED17/830 P13PSU D125 WB G2	220-240 V	13,3 W
911401593943	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB G2	220-240 V	13,3 W
911401594243	DN590B LED17/830 P14PSD D125 WB G2	220-240 V	13,8 W
911401594343	DN590B LED17/840 P14PSD D125 WB G2	220-240 V	13,8 W
911401594643	DN591B LED22/830 P17PSU D125 WB G2	220-240 V	16,8 W
911401594743	DN591B LED22/840 P17PSU D125 WB G2	220-240 V	16,8 W
911401595043	DN591B LED22/830 P18PSD D125 WB G2	220-240 V	17,7 W
911401595143	DN591B LED22/840 P18PSD D125 WB G2	220-240 V	17,7 W
911401595343	DN591X LED22/840 P17WIA D125 WB G2	220-240 V	17,1 W
911401595643	DN592B LED26/830 P21PSU D125 WB G2	220-240 V	21,2 W
911401595743	DN592B LED26/840 P21PSU D125 WB G2	220-240 V	21,2 W
911401596043	DN592B LED26/830 P22PSD D125 WB G2	220-240 V	21,9 W
911401596143	DN592B LED26/840 P22PSD D125 WB G2	220-240 V	21,9 W
911401596343	DN592X LED26/840 P21WIA D125 WB G2	220-240 V	21,2 W
911401588543	DN588B LED5/930 P4PSU D75 NB G2	220-240 V	4,2 W
911401588643	DN588B LED5/940 P4PSU D75 NB G2	220-240 V	4,2 W
911401588743	DN588B LED5/930 P4PSU D75 MB G2	220-240 V	4,2 W
911401588843	DN588B LED5/940 P4PSU D75 MB G2	220-240 V	4,2 W
911401588943	DN588B LED5/930 P4PSU D75 WB G2	220-240 V	4,2 W
911401589043	DN588B LED5/940 P4PSU D75 WB G2	220-240 V	4,2 W
911401589143	DN589B LED10/930 P8PSU D75 NB G2	220-240 V	8,5 W
911401589243	DN589B LED10/940 P8PSU D75 NB G2	220-240 V	8,5 W
911401589343	DN589B LED10/930 P8PSU D75 MB G2	220-240 V	8,5 W
911401589443	DN589B LED10/940 P8PSU D75 MB G2	220-240 V	8,5 W
911401589543	DN589B LED10/930 P8PSU D75 WB G2	220-240 V	8,5 W
911401589643	DN589B LED10/940 P8PSU D75 WB G2	220-240 V	8,5 W
911401589743	DN590B LED15/930 P14PSU D75 NB G2	220-240 V	13,6 W

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401589843	DN590B LED15/940 P14PSU D75 NB G2	220-240 V	13,6 W
911401589943	DN590B LED15/930 P14PSU D75 MB G2	220-240 V	13,6 W
911401590043	DN590B LED15/940 P14PSU D75 MB G2	220-240 V	13,6 W
911401590143	DN590B LED15/930 P14PSU D75 WB G2	220-240 V	13,6 W
911401590243	DN590B LED15/940 P14PSU D75 WB G2	220-240 V	13,6 W
911401590343	DN590B LED15/930 P14PSD D75 NB G2	220-240 V	14,1 W
911401590443	DN590B LED15/940 P14PSD D75 NB G2	220-240 V	14,1 W
911401590543	DN590B LED15/930 P14PSD D75 MB G2	220-240 V	14,1 W
911401590643	DN590B LED15/940 P14PSD D75 MB G2	220-240 V	14,1 W
911401590743	DN590B LED15/930 P14PSD D75 WB G2	220-240 V	14,1 W
911401590843	DN590B LED15/940 P14PSD D75 WB G2	220-240 V	14,1 W
911401590943	DN590X LED15/940 P14WIA D75 NB G2	220-240 V	13,8 W
911401591043	DN590X LED15/940 P14WIA D75 MB G2	220-240 V	13,8 W
911401591143	DN590X LED15/940 P14WIA D75 WB G2	220-240 V	13,8 W
911401502444	DN589B LED12/840 P7PSU D125 VWB-M UE G2	220-240 V	7,5 W
911401592443	DN588B LED9/830 P6PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	6,5 W
911401592543	DN588B LED9/840 P6PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	6,5 W
911401592843	DN589B LED11/830 P8PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	8,3 W
911401592943	DN589B LED11/840 P8PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	8,3 W
911401593243	DN589B LED11/830 P8PSD D125 VWB-M G2	220-240 V	8 W
911401593343	DN589B LED11/840 P8PSD D125 VWB-M G2	220-240 V	8 W
911401593643	DN590B LED17/830 P13PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	13,3 W
911401593743	DN590B LED17/840 P13PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	13,3 W
911401594043	DN590B LED17/830 P14PSD D125 VWB-M G2	220-240 V	13,8 W
911401594143	DN590B LED17/840 P14PSD D125 VWB-M G2	220-240 V	13,8 W
911401594443	DN591B LED22/830 P17PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	16,8 W
911401594543	DN591B LED22/840 P17PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	16,8 W

Order Code	Full Product Name	Mức tiêu thụ	
		Điện áp đầu vào	diện
911401594843	DN591B LED22/830 P18PSD D125 VWB-M G2	220-240 V	17,7 W
911401594943	DN591B LED22/840 P18PSD D125 VWB-M G2	220-240 V	17,7 W
911401595243	DN591X LED22/840 P17WIA D125 VWB-M G2	220-240 V	17,1 W
911401595443	DN592B LED26/830 P21PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	21,2 W
911401595543	DN592B LED26/840 P21PSU D125 VWB-M G2	220-240 V	21,2 W
911401595843	DN592B LED26/830 P22PSD D125 VWB-M G2	220-240 V	21,9 W
911401595943	DN592B LED26/840 P22PSD D125 VWB-M G2	220-240 V	21,9 W
911401596243	DN592X LED26/840 P21WIA D125 VWB-M G2	220-240 V	21,2 W
911401504144	DN594B LED39/TNW P30PSD D200 VWB G2	220 đến 240 V	30,3 W
911401504944	DN594B LED36/CED P31PSD D200 VWB G2	220 đến 240 V	30,7 W
911401505744	DN594X LED41/TNW P32PSD D200 VWB G2	220 đến 240 V	31,6 W
911401506544	DN594X LED38/CED P32PSD D200 VWB G2	220 đến 240 V	32 W
911401502644	DN590B LED17/840 P10PSU D150 WB UE G2	220-240 V	10 W
911401503144	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB WP G2	220-240 V	16,8 W
911401503244	DN592B LED27/830 P21PSU D150 WB G2	220-240 V	20,8 W
911401503344	DN592B LED27/840 P21PSU D150 WB G2	220-240 V	20,8 W
911401503844	DN592B LED26/TNW P23PSD D150 WB G2	220 đến 240 V	23,1 W
911401504644	DN592B LED24/CED P24PSD D150 WB G2	220 đến 240 V	23,5 W
911401505444	DN592X LED29/TNW P25PSD D150 WB G2	220 đến 240 V	25,2 W
911401506244	DN592X LED26/CED P26PSD D150 WB G2	220 đến 240 V	25,7 W

Order Code	Full Product Name	Mức tiêu thụ	
		Điện áp đầu vào	diện
911401596443	DN589B LED12/830 P8PSU D150 WB G2	220-240 V	8,2 W
911401596543	DN589B LED12/840 P8PSU D150 WB G2	220-240 V	8,2 W
911401596643	DN590B LED18/830 P13PSU D150 WB G2	220-240 V	13,1 W
911401596743	DN590B LED18/840 P13PSU D150 WB G2	220-240 V	13,1 W
911401596843	DN591B LED23/830 P17PSU D150 WB G2	220-240 V	16,8 W
911401596943	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB G2	220-240 V	16,8 W
911401597043	DN589B LED12/830 P8PSD D150 WB G2	220-240 V	7,9 W
911401597143	DN589B LED12/840 P8PSD D150 WB G2	220-240 V	7,9 W
911401597243	DN590B LED18/830 P14PSD D150 WB G2	220-240 V	13,6 W
911401597343	DN590B LED18/840 P14PSD D150 WB G2	220-240 V	13,6 W
911401597443	DN591B LED23/830 P17PSD D150 WB G2	220-240 V	17,4 W
911401597543	DN591B LED23/840 P17PSD D150 WB G2	220-240 V	17,4 W
911401597643	DN589X LED12/840 P9WIA D150 WB G2	220-240 V	8,6 W
911401597743	DN592B LED27/830 P22PSD D150 WB G2	220-240 V	21,5 W
911401597843	DN592B LED27/840 P22PSD D150 WB G2	220-240 V	21,5 W
911401597943	DN592X LED27/840 P21WIA D150 WB G2	220-240 V	20,8 W
911401503944	DN592B LED28/TNW P23PSD D150 VWB G2	220 đến 240 V	23,1 W
911401504744	DN592B LED26/CED P24PSD D150 VWB G2	220 đến 240 V	23,5 W
911401505544	DN592X LED30/TNW P25PSD D150 VWB G2	220 đến 240 V	25,2 W
911401506344	DN592X LED28/CED P26PSD D150 VWB G2	220 đến 240 V	25,7 W

Điều khiển và điều chỉnh độ sáng

Order Code	Full Product Name	Có thể điều	
		chỉnh độ sáng	Độ mờ tối đa
911401502944	DN589B LED10/840 P8PSU D100 WB WP G2	Không	-
911401503544	DN589B LED11/TNW P10PSD D100 WB G2	DALI	-
911401504344	DN589B LED10/CED P10PSD D100 WB G2	DALI	-
911401505144	DN589X LED8/TNW P7PSD D100 WB G2	DALI	-
911401505944	DN589X LED7/CED P7PSD D100 WB G2	DALI	-

Order Code	Full Product Name	Có thể điều	
		chỉnh độ sáng	Độ mờ tối đa
911401591243	DN588B LED5/930 P4PSU D100 WB G2	Không	-
911401591343	DN588B LED5/940 P4PSU D100 WB G2	Không	-
911401591443	DN589B LED10/930 P8PSU D100 WB G2	Không	-
911401591543	DN589B LED10/940 P8PSU D100 WB G2	Không	-
911401591643	DN590B LED16/930 P13PSU D100 WB G2	Không	-

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng		Độ mở tối đa
		chỉnh độ sáng	Độ mở tối đa	
911401591743	DN590B LED16/940 P13PSU D100 WB G2	Không	-	
911401591843	DN589B LED10/930 P8PSD D100 WB G2	Có	1%	
911401591943	DN589B LED10/940 P8PSD D100 WB G2	Có	1%	
911401592043	DN590B LED16/930 P14PSD D100 WB G2	Có	1%	
911401592143	DN590B LED16/940 P14PSD D100 WB G2	Có	1%	
911401592243	DN589X LED10/940 P9WIA D100 WB G2	Có	3%	
911401592343	DN590X LED16/940 P14WIA D100 WB G2	Có	1%	
911401503744	DN591B LED21/TNW P18PSD D125 VWB G2	DALI	-	
911401504544	DN591B LED19/CED P18PSD D125 VWB G2	DALI	-	
911401505344	DN591X LED17/TNW P13PSD D125 VWB G2	DALI	-	
911401506144	DN591X LED15/CED P14PSD D125 VWB G2	DALI	-	
911401500044	DN596B LED80/830 P62PSU D200 WB G2	Không	-	
911401500144	DN596B LED80/840 P62PSU D200 WB G2	Không	-	
911401500444	DN596B LED80/830 P59PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401500544	DN596B LED80/840 P59PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401500844	DN591B LED19/830 P13PSU D200 WB G2	Không	-	
911401500944	DN591B LED19/840 P13PSU D200 WB G2	Không	-	
911401501244	DN591B LED19/830 P13PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401501344	DN591B LED19/840 P13PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401501544	DN591X LED19/840 P13WIA D200 WB G2	Có	1%	
911401501844	DN593B LED29/830 P20PSU D200 WB G2	Không	-	
911401501944	DN593B LED29/840 P20PSU D200 WB G2	Không	-	
911401502244	DN593B LED29/830 P21PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401502344	DN593B LED29/840 P21PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401502844	DN591B LED23/840 P13PSU D200 WB UE G2	Không	-	
911401504044	DN594B LED37/TNW P30PSD D200 WB G2	DALI	-	
911401504844	DN594B LED34/CED P31PSD D200 WB G2	DALI	-	
911401505644	DN594X LED39/TNW P32PSD D200 WB G2	DALI	-	
911401506444	DN594X LED36/CED P32PSD D200 WB G2	DALI	-	
911401598243	DN594B LED42/830 P30PSU D200 WB G2	Không	-	
911401598343	DN594B LED42/840 P30PSU D200 WB G2	Không	-	
911401598643	DN594B LED42/830 P31PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401598743	DN594B LED42/840 P31PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401598943	DN594X LED42/840 P30WIA D200 WB G2	Có	1%	
911401599243	DN595B LED61/830 P46PSU D200 WB G2	Không	-	
911401599343	DN595B LED61/840 P46PSU D200 WB G2	Không	-	
911401599643	DN595B LED61/830 P47PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401599743	DN595B LED61/840 P47PSD D200 WB G2	Có	1%	
911401500244	DN596B LED80/830 P59PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401500344	DN596B LED80/840 P59PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401500644	DN591B LED19/830 P13PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401500744	DN591B LED19/840 P13PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401501044	DN591B LED19/830 P13PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401501144	DN591B LED19/840 P13PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401501444	DN591X LED19/840 P13WIA D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401501644	DN593B LED29/830 P20PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401501744	DN593B LED29/840 P20PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401502044	DN593B LED29/830 P21PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401502144	DN593B LED29/840 P21PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng		Độ mở tối đa
		chỉnh độ sáng	Độ mở tối đa	
911401502744	DN591B LED23/840 P13PSU D200 VWB-M UE G2	Không	-	
911401598043	DN594B LED42/830 P30PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401598143	DN594B LED42/840 P30PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401598443	DN594B LED42/830 P31PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401598543	DN594B LED42/840 P31PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401598843	DN594X LED42/840 P30WIA D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401599043	DN595B LED61/830 P46PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401599143	DN595B LED61/840 P46PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401599443	DN595B LED61/830 P47PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401599543	DN595B LED61/840 P47PSD D200 VWB-M G2	Có	1%	
911401599843	DN596B LED80/830 P62PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401599943	DN596B LED80/840 P62PSU D200 VWB-M G2	Không	-	
911401502544	DN589B LED12/840 P7PSU D125 WB UE G2	Không	-	
911401503044	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB WP G2	Không	-	
911401503644	DN591B LED20/TNW P18PSD D125 WB G2	DALI	-	
911401504444	DN591B LED19/CED P18PSD D125 WB G2	DALI	-	
911401505244	DN591X LED16/TNW P13PSD D125 WB G2	DALI	-	
911401506044	DN591X LED15/CED P14PSD D125 WB G2	DALI	-	
911401592643	DN588B LED9/830 P6PSU D125 WB G2	Không	-	
911401592743	DN588B LED9/840 P6PSU D125 WB G2	Không	-	
911401593043	DN589B LED11/830 P8PSU D125 WB G2	Không	-	
911401593143	DN589B LED11/840 P8PSU D125 WB G2	Không	-	
911401593443	DN589B LED11/830 P8PSD D125 WB G2	Có	1%	
911401593543	DN589B LED11/840 P8PSD D125 WB G2	Có	1%	
911401593843	DN590B LED17/830 P13PSU D125 WB G2	Không	-	
911401593943	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB G2	Không	-	
911401594243	DN590B LED17/830 P14PSD D125 WB G2	Có	1%	
911401594343	DN590B LED17/840 P14PSD D125 WB G2	Có	1%	
911401594643	DN591B LED22/830 P17PSU D125 WB G2	Không	-	
911401594743	DN591B LED22/840 P17PSU D125 WB G2	Không	-	
911401595043	DN591B LED22/830 P18PSD D125 WB G2	Có	1%	
911401595143	DN591B LED22/840 P18PSD D125 WB G2	Có	1%	
911401595343	DN591X LED22/840 P17WIA D125 WB G2	Có	1%	
911401595643	DN592B LED26/830 P21PSU D125 WB G2	Không	-	
911401595743	DN592B LED26/840 P21PSU D125 WB G2	Không	-	
911401596043	DN592B LED26/830 P22PSD D125 WB G2	Có	1%	
911401596143	DN592B LED26/840 P22PSD D125 WB G2	Có	1%	
911401596343	DN592X LED26/840 P21WIA D125 WB G2	Có	1%	
911401588543	DN588B LED5/930 P4PSU D75 NB G2	Không	-	
911401588643	DN588B LED5/940 P4PSU D75 NB G2	Không	-	
911401588743	DN588B LED5/930 P4PSU D75 MB G2	Không	-	
911401588843	DN588B LED5/940 P4PSU D75 MB G2	Không	-	
911401588943	DN588B LED5/930 P4PSU D75 WB G2	Không	-	
911401589043	DN588B LED5/940 P4PSU D75 WB G2	Không	-	
911401589143	DN589B LED10/930 P8PSU D75 NB G2	Không	-	
911401589243	DN589B LED10/940 P8PSU D75 NB G2	Không	-	
911401589343	DN589B LED10/930 P8PSU D75 MB G2	Không	-	
911401589443	DN589B LED10/940 P8PSU D75 MB G2	Không	-	
911401589543	DN589B LED10/930 P8PSU D75 WB G2	Không	-	

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng		Độ mở tối đa
911401589643	DN589B LED10/940 P8PSU D75 WB G2	Không		-
911401589743	DN590B LED15/930 P14PSU D75 NB G2	Không		-
911401589843	DN590B LED15/940 P14PSU D75 NB G2	Không		-
911401589943	DN590B LED15/930 P14PSU D75 MB G2	Không		-
911401590043	DN590B LED15/940 P14PSU D75 MB G2	Không		-
911401590143	DN590B LED15/930 P14PSU D75 WB G2	Không		-
911401590243	DN590B LED15/940 P14PSU D75 WB G2	Không		-
911401590343	DN590B LED15/930 P14PSD D75 NB G2	Có		1%
911401590443	DN590B LED15/940 P14PSD D75 NB G2	Có		1%
911401590543	DN590B LED15/930 P14PSD D75 MB G2	Có		1%
911401590643	DN590B LED15/940 P14PSD D75 MB G2	Có		1%
911401590743	DN590B LED15/930 P14PSD D75 WB G2	Có		1%
911401590843	DN590B LED15/940 P14PSD D75 WB G2	Có		1%
911401590943	DN590X LED15/940 P14WIA D75 NB G2	Có		1%
911401591043	DN590X LED15/940 P14WIA D75 MB G2	Có		1%
911401591143	DN590X LED15/940 P14WIA D75 WB G2	Có		1%
911401502444	DN589B LED12/840 P7PSU D125 VWB-M UE G2	Không		-
911401592443	DN588B LED9/830 P6PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401592543	DN588B LED9/840 P6PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401592843	DN589B LED11/830 P8PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401592943	DN589B LED11/840 P8PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401593243	DN589B LED11/830 P8PSD D125 VWB-M G2	Có		1%
911401593343	DN589B LED11/840 P8PSD D125 VWB-M G2	Có		1%
911401593643	DN590B LED17/830 P13PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401593743	DN590B LED17/840 P13PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401594043	DN590B LED17/830 P14PSD D125 VWB-M G2	Có		1%
911401594143	DN590B LED17/840 P14PSD D125 VWB-M G2	Có		1%
911401594443	DN591B LED22/830 P17PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401594543	DN591B LED22/840 P17PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401594843	DN591B LED22/830 P18PSD D125 VWB-M G2	Có		1%
911401594943	DN591B LED22/840 P18PSD D125 VWB-M G2	Có		1%
911401595243	DN591X LED22/840 P17WIA D125 VWB-M G2	Có		1%
911401595443	DN592B LED26/830 P21PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401595543	DN592B LED26/840 P21PSU D125 VWB-M G2	Không		-
911401595843	DN592B LED26/830 P22PSD D125 VWB-M G2	Có		1%

Cơ khí và vỏ đèn

Order Code	Full Product Name	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401502944	DN589B LED10/840 P8PSU D100 WB WP G2	IP20/65
911401503544	DN589B LED11/TNW P10PSD D100 WB G2	IP20
911401504344	DN589B LED10/CED P10PSD D100 WB G2	IP20
911401505144	DN589X LED8/TNW P7PSD D100 WB G2	IP20
911401505944	DN589X LED7/CED P7PSD D100 WB G2	IP20
911401591243	DN588B LED5/930 P4PSU D100 WB G2	IP20
911401591343	DN588B LED5/940 P4PSU D100 WB G2	IP20
911401591443	DN589B LED10/930 P8PSU D100 WB G2	IP20
911401591543	DN589B LED10/940 P8PSU D100 WB G2	IP20
911401591643	DN590B LED16/930 P13PSU D100 WB G2	IP20

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng		Độ mở tối đa
911401595943	DN592B LED26/840 P22PSD D125 VWB-M G2	Có		1%
911401596243	DN592X LED26/840 P21WIA D125 VWB-M G2	Có		1%
911401504144	DN594B LED39/TNW P30PSD D200 VWB G2	DALI		-
911401504944	DN594B LED36/CED P31PSD D200 VWB G2	DALI		-
911401505744	DN594X LED41/TNW P32PSD D200 VWB G2	DALI		-
911401506544	DN594X LED38/CED P32PSD D200 VWB G2	DALI		-
911401502644	DN590B LED17/840 P10PSU D150 WB UE G2	Không		-
911401503144	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB WP G2	Không		-
911401503244	DN592B LED27/830 P21PSU D150 WB G2	Không		-
911401503344	DN592B LED27/840 P21PSU D150 WB G2	Không		-
911401503844	DN592B LED26/TNW P23PSD D150 WB G2	DALI		-
911401504644	DN592B LED24/CED P24PSD D150 WB G2	DALI		-
911401505444	DN592X LED29/TNW P25PSD D150 WB G2	DALI		-
911401506244	DN592X LED26/CED P26PSD D150 WB G2	DALI		-
911401596443	DN589B LED12/830 P8PSU D150 WB G2	Không		-
911401596543	DN589B LED12/840 P8PSU D150 WB G2	Không		-
911401596643	DN590B LED18/830 P13PSU D150 WB G2	Không		-
911401596743	DN590B LED18/840 P13PSU D150 WB G2	Không		-
911401596843	DN591B LED23/830 P17PSU D150 WB G2	Không		-
911401596943	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB G2	Không		-
911401597043	DN589B LED12/830 P8PSD D150 WB G2	Có		1%
911401597143	DN589B LED12/840 P8PSD D150 WB G2	Có		1%
911401597243	DN590B LED18/830 P14PSD D150 WB G2	Có		1%
911401597343	DN590B LED18/840 P14PSD D150 WB G2	Có		1%
911401597443	DN591B LED23/830 P17PSD D150 WB G2	Có		1%
911401597543	DN591B LED23/840 P17PSD D150 WB G2	Có		1%
911401597643	DN589X LED12/840 P9WIA D150 WB G2	Có		3%
911401597743	DN592B LED27/830 P22PSD D150 WB G2	Có		1%
911401597843	DN592B LED27/840 P22PSD D150 WB G2	Có		1%
911401597943	DN592X LED27/840 P21WIA D150 WB G2	Có		1%
911401503944	DN592B LED28/TNW P23PSD D150 VWB G2	DALI		-
911401504744	DN592B LED26/CED P24PSD D150 VWB G2	DALI		-
911401505544	DN592X LED30/TNW P25PSD D150 VWB G2	DALI		-
911401506344	DN592X LED28/CED P26PSD D150 VWB G2	DALI		-

Order Code	Full Product Name	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401506144	DN591X LED15/CED P14PSD D125 VWB G2	IP20
911401500044	DN596B LED80/830 P62PSU D200 WB G2	IP20
911401500144	DN596B LED80/840 P62PSU D200 WB G2	IP20
911401500444	DN596B LED80/830 P59PSD D200 WB G2	IP20
911401500544	DN596B LED80/840 P59PSD D200 WB G2	IP20
911401500844	DN591B LED19/830 P13PSU D200 WB G2	IP20
911401500944	DN591B LED19/840 P13PSU D200 WB G2	IP20
911401501244	DN591B LED19/830 P13PSD D200 WB G2	IP20
911401501344	DN591B LED19/840 P13PSD D200 WB G2	IP20
911401501544	DN591X LED19/840 P13WIA D200 WB G2	IP20
911401501844	DN593B LED29/830 P20PSU D200 WB G2	IP20
911401501944	DN593B LED29/840 P20PSU D200 WB G2	IP20
911401502244	DN593B LED29/830 P21PSD D200 WB G2	IP20
911401502344	DN593B LED29/840 P21PSD D200 WB G2	IP20
911401502844	DN591B LED23/840 P13PSU D200 WB UE G2	IP20
911401504044	DN594B LED37/TNW P30PSD D200 WB G2	IP20
911401504844	DN594B LED34/CED P31PSD D200 WB G2	IP20
911401505644	DN594X LED39/TNW P32PSD D200 WB G2	IP20
911401506444	DN594X LED36/CED P32PSD D200 WB G2	IP20
911401598243	DN594B LED42/830 P30PSU D200 WB G2	IP20
911401598343	DN594B LED42/840 P30PSU D200 WB G2	IP20
911401598643	DN594B LED42/830 P31PSD D200 WB G2	IP20
911401598743	DN594B LED42/840 P31PSD D200 WB G2	IP20
911401598943	DN594X LED42/840 P30WIA D200 WB G2	IP20
911401599243	DN595B LED61/830 P46PSU D200 WB G2	IP20
911401599343	DN595B LED61/840 P46PSU D200 WB G2	IP20
911401599643	DN595B LED61/830 P47PSD D200 WB G2	IP20
911401599743	DN595B LED61/840 P47PSD D200 WB G2	IP20
911401500244	DN596B LED80/830 P59PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401500344	DN596B LED80/840 P59PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401500644	DN591B LED19/830 P13PSU D200 VWB-M G2	IP20
911401500744	DN591B LED19/840 P13PSU D200 VWB-M G2	IP20
911401501044	DN591B LED19/830 P13PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401501144	DN591B LED19/840 P13PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401501444	DN591X LED19/840 P13WIA D200 VWB-M G2	IP20
911401501644	DN593B LED29/830 P20PSU D200 VWB-M G2	IP20
911401501744	DN593B LED29/840 P20PSU D200 VWB-M G2	IP20
911401502044	DN593B LED29/830 P21PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401502144	DN593B LED29/840 P21PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401502744	DN591B LED23/840 P13PSU D200 VWB-M UE G2	IP20
911401598043	DN594B LED42/830 P30PSU D200 VWB-M G2	IP20
911401598143	DN594B LED42/840 P30PSU D200 VWB-M G2	IP20
911401598443	DN594B LED42/830 P31PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401598543	DN594B LED42/840 P31PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401598843	DN594X LED42/840 P30WIA D200 VWB-M G2	IP20
911401599043	DN595B LED61/830 P46PSU D200 VWB-M G2	IP20
911401599143	DN595B LED61/840 P46PSU D200 VWB-M G2	IP20
911401599443	DN595B LED61/830 P47PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401599543	DN595B LED61/840 P47PSD D200 VWB-M G2	IP20
911401599843	DN596B LED80/830 P62PSU D200 VWB-M G2	IP20
911401599943	DN596B LED80/840 P62PSU D200 VWB-M G2	IP20

Order Code	Full Product Name	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401502544	DN589B LED12/840 P7PSU D125 WB UE G2	IP20
911401503044	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB WP G2	IP20/65
911401503644	DN591B LED20/TNW P18PSD D125 WB G2	IP20
911401504444	DN591B LED19/CED P18PSD D125 WB G2	IP20
911401505244	DN591X LED16/TNW P13PSD D125 WB G2	IP20
911401506044	DN591X LED15/CED P14PSD D125 WB G2	IP20
911401592643	DN588B LED9/830 P6PSU D125 WB G2	IP20
911401592743	DN588B LED9/840 P6PSU D125 WB G2	IP20
911401593043	DN589B LED11/830 P8PSU D125 WB G2	IP20
911401593143	DN589B LED11/840 P8PSU D125 WB G2	IP20
911401593443	DN589B LED11/830 P8PSD D125 WB G2	IP20
911401593543	DN589B LED11/840 P8PSD D125 WB G2	IP20
911401593843	DN590B LED17/830 P13PSU D125 WB G2	IP20
911401593943	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB G2	IP20
911401594243	DN590B LED17/830 P14PSD D125 WB G2	IP20
911401594343	DN590B LED17/840 P14PSD D125 WB G2	IP20
911401594643	DN591B LED22/830 P17PSU D125 WB G2	IP20
911401594743	DN591B LED22/840 P17PSU D125 WB G2	IP20
911401595043	DN591B LED22/830 P18PSD D125 WB G2	IP20
911401595143	DN591B LED22/840 P18PSD D125 WB G2	IP20
911401595343	DN591X LED22/840 P17WIA D125 WB G2	IP20
911401595643	DN592B LED26/830 P21PSU D125 WB G2	IP20
911401595743	DN592B LED26/840 P21PSU D125 WB G2	IP20
911401596043	DN592B LED26/830 P22PSD D125 WB G2	IP20
911401596143	DN592B LED26/840 P22PSD D125 WB G2	IP20
911401596343	DN592X LED26/840 P21WIA D125 WB G2	IP20
911401588543	DN588B LED5/930 P4PSU D75 NB G2	IP20
911401588643	DN588B LED5/940 P4PSU D75 NB G2	IP20
911401588743	DN588B LED5/930 P4PSU D75 MB G2	IP20
911401588843	DN588B LED5/940 P4PSU D75 MB G2	IP20
911401588943	DN588B LED5/930 P4PSU D75 WB G2	IP20
911401589043	DN588B LED5/940 P4PSU D75 WB G2	IP20
911401589143	DN589B LED10/930 P8PSU D75 NB G2	IP20
911401589243	DN589B LED10/940 P8PSU D75 NB G2	IP20
911401589343	DN589B LED10/930 P8PSU D75 MB G2	IP20
911401589443	DN589B LED10/940 P8PSU D75 MB G2	IP20
911401589543	DN589B LED10/930 P8PSU D75 WB G2	IP20
911401589643	DN589B LED10/940 P8PSU D75 WB G2	IP20
911401589743	DN590B LED15/930 P14PSU D75 NB G2	IP20
911401589843	DN590B LED15/940 P14PSU D75 NB G2	IP20
911401589943	DN590B LED15/930 P14PSU D75 MB G2	IP20
911401590043	DN590B LED15/940 P14PSU D75 MB G2	IP20
911401590143	DN590B LED15/930 P14PSU D75 WB G2	IP20
911401590243	DN590B LED15/940 P14PSU D75 WB G2	IP20
911401590343	DN590B LED15/930 P14PSD D75 NB G2	IP20
911401590443	DN590B LED15/940 P14PSD D75 NB G2	IP20
911401590543	DN590B LED15/930 P14PSD D75 MB G2	IP20
911401590643	DN590B LED15/940 P14PSD D75 MB G2	IP20
911401590743	DN590B LED15/930 P14PSD D75 WB G2	IP20
911401590843	DN590B LED15/940 P14PSD D75 WB G2	IP20
911401590943	DN590X LED15/940 P14WIA D75 NB G2	IP20

Order Code	Full Product Name	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401591043	DN590X LED15/940 P14WIA D75 MB G2	IP20
911401591143	DN590X LED15/940 P14WIA D75 WB G2	IP20
911401502444	DN589B LED12/840 P7PSU D125 VWB-M UE G2	IP20
911401592443	DN588B LED9/830 P6PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401592543	DN588B LED9/840 P6PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401592843	DN589B LED11/830 P8PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401592943	DN589B LED11/840 P8PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401593243	DN589B LED11/830 P8PSD D125 VWB-M G2	IP20
911401593343	DN589B LED11/840 P8PSD D125 VWB-M G2	IP20
911401593643	DN590B LED17/830 P13PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401593743	DN590B LED17/840 P13PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401594043	DN590B LED17/830 P14PSD D125 VWB-M G2	IP20
911401594143	DN590B LED17/840 P14PSD D125 VWB-M G2	IP20
911401594443	DN591B LED22/830 P17PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401594543	DN591B LED22/840 P17PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401594843	DN591B LED22/830 P18PSD D125 VWB-M G2	IP20
911401594943	DN591B LED22/840 P18PSD D125 VWB-M G2	IP20
911401595243	DN591X LED22/840 P17WIA D125 VWB-M G2	IP20
911401595443	DN592B LED26/830 P21PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401595543	DN592B LED26/840 P21PSU D125 VWB-M G2	IP20
911401595843	DN592B LED26/830 P22PSD D125 VWB-M G2	IP20
911401595943	DN592B LED26/840 P22PSD D125 VWB-M G2	IP20
911401596243	DN592X LED26/840 P21WIA D125 VWB-M G2	IP20
911401504144	DN594B LED39/TNW P30PSD D200 VWB G2	IP20
911401504944	DN594B LED36/CED P31PSD D200 VWB G2	IP20
911401505744	DN594X LED41/TNW P32PSD D200 VWB G2	IP20
911401506544	DN594X LED38/CED P32PSD D200 VWB G2	IP20
911401502644	DN590B LED17/840 P10PSU D150 WB UE G2	IP20

Phê duyệt và ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401502944	DN589B LED10/840 P8PSU D100 WB WP G2	-20 °C đến 40 °C
911401503544	DN589B LED11/TNW P10PSD D100 WB G2	-20 đến +40°C
911401504344	DN589B LED10/CED P10PSD D100 WB G2	-20 đến +40°C
911401505144	DN589X LED8/TNW P7PSD D100 WB G2	-20 đến +40°C
911401505944	DN589X LED7/CED P7PSD D100 WB G2	-20 đến +40°C
911401591243	DN588B LED5/930 P4PSU D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401591343	DN588B LED5/940 P4PSU D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401591443	DN589B LED10/930 P8PSU D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401591543	DN589B LED10/940 P8PSU D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401591643	DN590B LED16/930 P13PSU D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401591743	DN590B LED16/940 P13PSU D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401591843	DN589B LED10/930 P8PSD D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401591943	DN589B LED10/940 P8PSD D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401592043	DN590B LED16/930 P14PSD D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401592143	DN590B LED16/940 P14PSD D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401592243	DN589X LED10/940 P9WIA D100 WB G2	-20 °C đến 40 °C

Order Code	Full Product Name	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401503144	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB WP G2	IP20/65
911401503244	DN592B LED27/830 P21PSU D150 WB G2	IP20
911401503344	DN592B LED27/840 P21PSU D150 WB G2	IP20
911401503844	DN592B LED26/TNW P23PSD D150 WB G2	IP20
911401504644	DN592B LED24/CED P24PSD D150 WB G2	IP20
911401505444	DN592X LED29/TNW P25PSD D150 WB G2	IP20
911401506244	DN592X LED26/CED P26PSD D150 WB G2	IP20
911401596443	DN589B LED12/830 P8PSU D150 WB G2	IP20
911401596543	DN589B LED12/840 P8PSU D150 WB G2	IP20
911401596643	DN590B LED18/830 P13PSU D150 WB G2	IP20
911401596743	DN590B LED18/840 P13PSU D150 WB G2	IP20
911401596843	DN591B LED23/830 P17PSU D150 WB G2	IP20
911401596943	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB G2	IP20
911401597043	DN589B LED12/830 P8PSD D150 WB G2	IP20
911401597143	DN589B LED12/840 P8PSD D150 WB G2	IP20
911401597243	DN590B LED18/830 P14PSD D150 WB G2	IP20
911401597343	DN590B LED18/840 P14PSD D150 WB G2	IP20
911401597443	DN591B LED23/830 P17PSD D150 WB G2	IP20
911401597543	DN591B LED23/840 P17PSD D150 WB G2	IP20
911401597643	DN589X LED12/840 P9WIA D150 WB G2	IP20
911401597743	DN592B LED27/830 P22PSD D150 WB G2	IP20
911401597843	DN592B LED27/840 P22PSD D150 WB G2	IP20
911401597943	DN592X LED27/840 P21WIA D150 WB G2	IP20
911401503944	DN592B LED28/TNW P23PSD D150 VWB G2	IP20
911401504744	DN592B LED26/CED P24PSD D150 VWB G2	IP20
911401505544	DN592X LED30/TNW P25PSD D150 VWB G2	IP20
911401506344	DN592X LED28/CED P26PSD D150 VWB G2	IP20

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401500944	DN591B LED19/840 P13PSU D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401501244	DN591B LED19/830 P13PSD D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401501344	DN591B LED19/840 P13PSD D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401501544	DN591X LED19/840 P13WIA D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401501844	DN593B LED29/830 P20PSU D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401501944	DN593B LED29/840 P20PSU D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401502244	DN593B LED29/830 P21PSD D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401502344	DN593B LED29/840 P21PSD D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401502844	DN591B LED23/840 P13PSU D200 WB UE G2	-20 °C đến 40 °C
911401504044	DN594B LED37/TNW P30PSD D200 WB G2	-20 đến +40°C
911401504844	DN594B LED34/CED P31PSD D200 WB G2	-20 đến +40°C
911401505644	DN594X LED39/TNW P32PSD D200 WB G2	-20 đến +40°C
911401506444	DN594X LED36/CED P32PSD D200 WB G2	-20 đến +40°C
911401598243	DN594B LED42/830 P30PSU D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401598343	DN594B LED42/840 P30PSU D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401598643	DN594B LED42/830 P31PSD D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401598743	DN594B LED42/840 P31PSD D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401598943	DN594X LED42/840 P30WIA D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401599243	DN595B LED61/830 P46PSU D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401599343	DN595B LED61/840 P46PSU D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401599643	DN595B LED61/830 P47PSD D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401599743	DN595B LED61/840 P47PSD D200 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401500244	DN596B LED80/830 P59PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401500344	DN596B LED80/840 P59PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401500644	DN591B LED19/830 P13PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401500744	DN591B LED19/840 P13PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401501044	DN591B LED19/830 P13PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401501144	DN591B LED19/840 P13PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401501444	DN591X LED19/840 P13WIA D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401501644	DN593B LED29/830 P20PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401501744	DN593B LED29/840 P20PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401502044	DN593B LED29/830 P21PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401502144	DN593B LED29/840 P21PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401502744	DN591B LED23/840 P13PSU D200 VWB-M UE G2	-20 °C đến 40 °C
911401598043	DN594B LED42/830 P30PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401598143	DN594B LED42/840 P30PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401598443	DN594B LED42/830 P31PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401598543	DN594B LED42/840 P31PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401598843	DN594X LED42/840 P30WIA D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401599043	DN595B LED61/830 P46PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401599143	DN595B LED61/840 P46PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401599443	DN595B LED61/830 P47PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401599543	DN595B LED61/840 P47PSD D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401599843	DN596B LED80/830 P62PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401599943	DN596B LED80/840 P62PSU D200 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401502544	DN589B LED12/840 P7PSU D125 WB UE G2	-20 °C đến 40 °C
911401503044	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB WP G2	-20 °C đến 40 °C
911401503644	DN591B LED20/TNW P18PSD D125 WB G2	-20 đến +40°C
911401504444	DN591B LED19/CED P18PSD D125 WB G2	-20 đến +40°C
911401505244	DN591X LED16/TNW P13PSD D125 WB G2	-20 đến +40°C
911401506044	DN591X LED15/CED P14PSD D125 WB G2	-20 đến +40°C
911401592643	DN588B LED9/830 P6PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401592743	DN588B LED9/840 P6PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401593043	DN589B LED11/830 P8PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401593143	DN589B LED11/840 P8PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401593443	DN589B LED11/830 P8PSD D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401593543	DN589B LED11/840 P8PSD D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401593843	DN590B LED17/830 P13PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401593943	DN590B LED17/840 P13PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401594243	DN590B LED17/830 P14PSD D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401594343	DN590B LED17/840 P14PSD D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401594643	DN591B LED22/830 P17PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401594743	DN591B LED22/840 P17PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401595043	DN591B LED22/830 P18PSD D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401595143	DN591B LED22/840 P18PSD D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401595343	DN591X LED22/840 P17WIA D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401595643	DN592B LED26/830 P21PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401595743	DN592B LED26/840 P21PSU D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401596043	DN592B LED26/830 P22PSD D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401596143	DN592B LED26/840 P22PSD D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401596343	DN592X LED26/840 P21WIA D125 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401588543	DN588B LED5/930 P4PSU D75 NB G2	-20 °C đến 40 °C
911401588643	DN588B LED5/940 P4PSU D75 NB G2	-20 °C đến 40 °C
911401588743	DN588B LED5/930 P4PSU D75 MB G2	-20 °C đến 40 °C
911401588843	DN588B LED5/940 P4PSU D75 MB G2	-20 °C đến 40 °C
911401588943	DN588B LED5/930 P4PSU D75 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589043	DN588B LED5/940 P4PSU D75 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589143	DN589B LED10/930 P8PSU D75 NB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589243	DN589B LED10/940 P8PSU D75 NB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589343	DN589B LED10/930 P8PSU D75 MB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589443	DN589B LED10/940 P8PSU D75 MB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589543	DN589B LED10/930 P8PSU D75 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589643	DN589B LED10/940 P8PSU D75 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589743	DN590B LED15/930 P14PSU D75 NB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589843	DN590B LED15/940 P14PSU D75 NB G2	-20 °C đến 40 °C
911401589943	DN590B LED15/930 P14PSU D75 MB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590043	DN590B LED15/940 P14PSU D75 MB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590143	DN590B LED15/930 P14PSU D75 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590243	DN590B LED15/940 P14PSU D75 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590343	DN590B LED15/930 P14PSD D75 NB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590443	DN590B LED15/940 P14PSD D75 NB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590543	DN590B LED15/930 P14PSD D75 MB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590643	DN590B LED15/940 P14PSD D75 MB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590743	DN590B LED15/930 P14PSD D75 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590843	DN590B LED15/940 P14PSD D75 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401590943	DN590X LED15/940 P14WIA D75 NB G2	-20 °C đến 40 °C
911401591043	DN590X LED15/940 P14WIA D75 MB G2	-20 °C đến 40 °C
911401591143	DN590X LED15/940 P14WIA D75 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401502444	DN589B LED12/840 P7PSU D125 VWB-M UE G2	-20 °C đến 40 °C
911401592443	DN588B LED9/830 P6PSU D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401592543	DN588B LED9/840 P6PSU D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401592843	DN589B LED11/830 P8PSU D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401592943	DN589B LED11/840 P8PSU D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401593243	DN589B LED11/830 P8PSD D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401593343	DN589B LED11/840 P8PSD D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401593643	DN590B LED17/830 P13PSU D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401593743	DN590B LED17/840 P13PSU D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401594043	DN590B LED17/830 P14PSD D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401594143	DN590B LED17/840 P14PSD D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401594443	DN591B LED22/830 P17PSU D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401594543	DN591B LED22/840 P17PSU D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401594843	DN591B LED22/830 P18PSD D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401594943	DN591B LED22/840 P18PSD D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401595243	DN591X LED22/840 P17WIA D125 VWB-M G2	-20 °C đến 40 °C
911401595443	DN592B LED26/830 P21PSU D125 VWB- M G2	-20 °C đến 40 °C
911401595543	DN592B LED26/840 P21PSU D125 VWB- M G2	-20 °C đến 40 °C
911401595843	DN592B LED26/830 P22PSD D125 VWB- M G2	-20 °C đến 40 °C
911401595943	DN592B LED26/840 P22PSD D125 VWB- M G2	-20 °C đến 40 °C
911401596243	DN592X LED26/840 P21WIA D125 VWB- M G2	-20 °C đến 40 °C
911401504144	DN594B LED39/TNW P30PSD D200 VWB G2	-20 đến +40°C
911401504944	DN594B LED36/CED P31PSD D200 VWB G2	-20 đến +40°C
911401505744	DN594X LED41/TNW P32PSD D200 VWB G2	-20 đến +40°C
911401506544	DN594X LED38/CED P32PSD D200 VWB G2	-20 đến +40°C
911401502644	DN590B LED17/840 P10PSU D150 WB UE G2	-20 °C đến 40 °C
911401503144	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB WP G2	-20 °C đến 40 °C
911401503244	DN592B LED27/830 P21PSU D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401503344	DN592B LED27/840 P21PSU D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401503844	DN592B LED26/TNW P23PSD D150 WB G2	-20 đến +40°C
911401504644	DN592B LED24/CED P24PSD D150 WB G2	-20 đến +40°C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401505444	DN592X LED29/TNW P25PSD D150 WB G2	-20 đến +40°C
911401506244	DN592X LED26/CED P26PSD D150 WB G2	-20 đến +40°C
911401596443	DN589B LED12/830 P8PSU D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401596543	DN589B LED12/840 P8PSU D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401596643	DN590B LED18/830 P13PSU D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401596743	DN590B LED18/840 P13PSU D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401596843	DN591B LED23/830 P17PSU D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401596943	DN591B LED23/840 P17PSU D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401597043	DN589B LED12/830 P8PSD D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401597143	DN589B LED12/840 P8PSD D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401597243	DN590B LED18/830 P14PSD D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401597343	DN590B LED18/840 P14PSD D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401597443	DN591B LED23/830 P17PSD D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401597543	DN591B LED23/840 P17PSD D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401597643	DN589X LED12/840 P9WIA D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401597743	DN592B LED27/830 P22PSD D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401597843	DN592B LED27/840 P22PSD D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401597943	DN592X LED27/840 P21WIA D150 WB G2	-20 °C đến 40 °C
911401503944	DN592B LED28/TNW P23PSD D150 VWB G2	-20 đến +40°C
911401504744	DN592B LED26/CED P24PSD D150 VWB G2	-20 đến +40°C
911401505544	DN592X LED30/TNW P25PSD D150 VWB G2	-20 đến +40°C
911401506344	DN592X LED28/CED P26PSD D150 VWB G2	-20 đến +40°C

